

GÓP PHẦN TÌM HIỂU PHẠM TRÙ “TÂM” TRONG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NGÔ THỊ LAN ANH^(*)

Đặt vấn đề

Trong Phật giáo, “Tâm” được xem như một phạm trù cơ bản. Nó giữ vị trí và vai trò quan trọng, là cốt lõi của mọi tông phái Phật giáo. Phật Tổ từng dạy: Tự “Tâm” mình là chân Phật, tự “Tĩnh” mình là chân Pháp. Ngoài “Tâm” không có Phật và ngoài “Tĩnh” không có Pháp. Tâm tức Phật, Phật tức Tâm.

Quan niệm về “Tâm” được trình bày trong nhiều kinh điển của Phật giáo như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Bát Nhã, Kinh Lăng Già, v.v... Muốn hiểu được phạm trù “Tâm” trong Phật giáo cho đầy đủ thì cần phải đọc nhiều bộ kinh và luận của Phật giáo. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ bàn về phạm trù “Tâm” trong Phật giáo Việt Nam.

1. “Tâm” qua cách hiểu của các danh tăng và đại cư sĩ Phật giáo Việt Nam

Theo nhiều nhà nghiên cứu, Phật giáo được truyền vào Việt Nam khoảng đầu Công nguyên qua đường biển. Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng hội nhập vào tâm hồn, lối sống, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam. Nhiều tư tưởng của Phật giáo khi vào Việt Nam đã được Việt hoá, hoà đồng với các phong tục, tín ngưỡng bản địa tạo nên những nét riêng biệt của Phật giáo Việt Nam, trong số đó phải kể đến quan niệm về phạm trù “Tâm”.

Khi truyền vào Việt Nam, hầu hết nghĩa chữ “Tâm” của Phật giáo vẫn được giữ lại. Vốn có cảm tình và ưa chuộng đạo Phật, nên người Việt Nam rất đề cao chữ “Tâm”. Không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc sống, khi thấy người khác lo lắng điều gì đó, người ta luôn khuyên nhau là “yên/an tâm”. Sự nóng nảy, sự giận dữ đều khiến cho “Tâm” không yên, sẽ mất khôn. Cho nên, muốn an “Tâm” thì phải sống ngay thẳng, trong sáng. Đây chính là phép *an tâm* trong Phật giáo.

Quan niệm về “Tâm” của Phật giáo Việt Nam nhìn chung phát triển theo hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất là cách hiểu về “Tâm” của các nhà sư và cư sĩ nổi tiếng của Phật giáo Việt Nam. Trong cách hiểu này, “Tâm” được nhìn nhận theo góc độ bác học, nghĩa là chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quan niệm về “Tâm” của Phật giáo Trung Hoa và Phật giáo Ấn Độ.

Chữ “Tâm” viết theo tiếng Hán có ba chấm tựa ba ngôi sao, dưới có vòng câu tựa mặt trăng (một vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời). Chữ “Tâm” này có nghĩa khá rộng, vừa chỉ tinh thần, ý thức, lại vừa chỉ tình cảm, lí trí; vừa là trái tim lại vừa là tên chung để chỉ những phẩm chất của trí óc. Ngoài ra, nó còn chỉ những cái ở giữa (trung gian, trung tâm). Khi Phật giáo du

*. ThS., Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

nhập vào Trung Quốc, chữ này có nội hàm và ngoại diên mở rộng hơn. Ngoài những nghĩa nêu trên, nó còn chỉ tám thức (bát thức): Nhân thức, Nhĩ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tị thức, Ý thức, Mạtna thức (thức thứ bảy) và Alāida thức (thức thứ tám). Trong Phật giáo Trung Quốc, “Tâm” không những chỉ ý thức chủ quan, trạng thái tâm lí hư tĩnh tự nhiên mà còn chỉ bản thể của vạn vật.

Phạm trù “Tâm” trong Phật giáo Việt Nam còn bắt nguồn từ chữ “Cita” của Phật giáo Ấn Độ. “Cita” với nghĩa là “Tâm” nuôi lớn “Nghịệp”. Theo đó, có thể khái quát thành sáu cấp độ về “Tâm” như sau: 1. “Tâm” là trái tim bằng xương, bằng thịt (Phật giáo hầu như không đề ý tới nghĩa này); 2. “Tâm” là Thức (Vijnāna), ở một nghĩa nào đó, nó chính là ý thức thông thường của con người; 3. “Tâm” là toàn bộ thế giới bên trong, cái chủ quan, tâm hồn, tình cảm, ý đồ, tinh thần, tâm lí. “Tâm” không chỉ là Lí mà còn là Tình. “Tâm” này chính là Manas; 4. Ở góc độ “Tâm” là thức thứ tám, nó bao gồm cả tiềm thức; 5. “Tâm” là sự tổng hợp của tất cả “Tâm” theo nghĩa thứ hai, thứ ba, thứ tư; 6. “Tâm” còn là bản thể vũ trụ, đó chính là “Tâm thể”, “Chân tâm”.

Các cách hiểu về “Tâm” nêu trên đã tác động rất lớn tới quan niệm về “Tâm” của các nhà sư, cư sĩ Phật giáo Việt Nam. Có thể khái quát lại nội dung phạm trù “Tâm” trong Phật giáo Việt Nam hiểu theo khuynh hướng bác học gồm:

Thứ nhất, “Tâm” là ý thức, là tâm hồn, là tinh thần của người Việt Nam, “Tâm” tức Phật. Vốn xuất phát từ một nước nông nghiệp trồng lúa nước nên người Việt Nam rất trọng tình nghĩa, ưa chuộng một cuộc sống ổn định, mong muốn mọi thứ thuận hòa, trời yên, biển lặng, yêu hòa

binh, trọng yên tĩnh. Vì làm nông nghiệp nên tư duy của người Việt Nam phát triển mạnh mẽ theo hướng trực giác hơn là tư duy duy lí, trừu tượng. Họ không thích những triết lí xa xôi mà thích thực tiễn trước mắt. Vì thế, tư tưởng “Phật tại Tâm” được người dân Việt Nam đón nhận và thực hành nó ngay trong cuộc sống hằng ngày. Họ thường truyền nhau câu nói gần như cửa miệng: “Phật ở trong nhà không tìm, tìm Phật Thích Ca ngoài đường”.

Theo Nguyễn Đăng Duy, quan niệm “Phật tại Tâm” của Phật giáo Thiên tông được đại bộ phận người dân Việt Nam tiếp nhận, bắt nguồn từ chỗ quan niệm này chứa đựng trong đó tư tưởng hòa bình, nhân nghĩa của cư dân làm nông nghiệp. Bởi vì làm “nông nghiệp lúa nước nên phải hợp quần, tạo sức mạnh chống thiên tai bão lụt, làm thủy lợi hạn chế nắng hạn. Hợp quần nên trọng tình, trọng nghĩa xóm làng, lấy đạo đức làm đầu. Tất cả những khía cạnh trên đây rất phù hợp với thiền (yên tĩnh, hòa bình) và tu tâm (rèn đạo đức)”⁽¹⁾.

Cách hiểu “Tâm tức Phật” của Thiên tông chính là sự thể hiện giác ngộ trong “Tâm”, đó không chỉ là những rung động về tình cảm mà còn là sự nhận thức, hiểu biết về nguyên nhân của cái nghiệp khổ, sướng. Như vậy, “Tâm” còn được hiểu là sự nhận thức (Vijnana), ý thức của con người. Nó được xem là toàn bộ thế giới bên trong chủ quan, gồm tâm hồn, tình cảm, ý thức, tinh thần, tâm lí. Nguyễn Đăng Duy nhận xét: “Tâm Phật ấy là “Tâm” giác ngộ, “Tâm” Phật ấy là “Tâm” phóng đại quang minh khi soi ra ngoài, thì sáu cửa (trên dưới và bốn bên) đều thanh tịnh, khi chiếu

1. Nguyễn Đăng Duy. *Phật giáo với văn hoá Việt Nam*. Nxb Hà Nội, 1999, tr.266.

trong tự tính, tâm hồn, thì tam độc (tham, sân, si) liền dứt, cái tôi thấy đều tiêu tan, trong ngoài sáng tỏ⁽²⁾.

Tư tưởng “Tâm tức Phật”, “Phật tại Tâm” được truyền chủ yếu từ Phật giáo Trung Quốc vào Việt Nam. Thiền tông Phật giáo Trung Quốc rất đề cao vai trò của “Tâm” đối với giáo pháp và người tu hành nhà Phật. Tông phái này coi: Bản thể của “Tâm” tức pháp thân thanh tịnh, tức “Tâm”, tức Phật. Công dụng của “Tâm” chính là tịnh tĩnh vô vi. Công năng tri giác của “Tâm” là luôn vận động không ngừng. Phải giữ cho “Tâm” không tịch để có thể đi vào Pháp giới, ra vào trong ngoài, không hề có chút gì trở ngại. Như vậy, “Tâm” vừa vận động không ngừng lại có tính thường trú, có thể làm những người học đạo giác ngộ được tính Phật, sớm bước vào cảnh giới Thiền định⁽³⁾.

Việc truyền bá tư tưởng “Tâm tức Phật”, “Phật tại Tâm” của các Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông từ Trung Quốc vào Việt Nam cũng theo cách: “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”. Nghĩa là, trong quặng có vàng, trong “Tâm” có Phật. Truyền đạo chỉ có “Tâm” truyền “Tâm”, không ý vào văn tự chữ nghĩa, lời giảng kinh kệ, cứ để “Tâm” hướng về Phật, đến lúc đón ngộ, tức khắc thành Phật. Vì thế, theo Nguyễn Đăng Duy, pháp danh của nhiều thiền sư Trung Quốc và Việt Nam đều theo nghĩa cảm nhận giáo lý nhà Phật, thực hành nó mà thành Phật như Thiền sư Vô Ngôn Thông, Thiền sư Bất Ngủ đều chủ ý không nói cũng hiểu, không giảng cũng thông. Thiền sư Lập Đức đệ tử trực tiếp của Thiền sư Vô Ngôn Thông ở chùa Kiến Sơ, Bắc Ninh, được đặt hiệu là Cảm Thành, nghĩa là cảm nhận mà thành Phật ở trong “Tâm”⁽⁴⁾.

Tư tưởng “Tâm tức Phật”, “Phật tại Tâm” vào Việt Nam đã được các thiền sư Việt Nam tiếp nhận và dung hợp trong đời sống người Việt Nam. Thiền sư Vô Ngôn Thông trước khi thị tịch đã nhắc lại lời Thiền sư Nam Nhạc (677-744) cho người đệ tử của ông là Thiền sư Cảm Thành: Tất cả các pháp đều từ “Tâm” sinh, nếu “Tâm” không sinh thì pháp làm sao đứng vững được; nếu đạt được tâm địa thì hành động hoàn toàn tự do. Nghĩa là, nếu chúng ta giác ngộ được chân lý nhà Phật thì “Tâm” là Phật, “Pháp” là Phật, tất cả những gì từ “Tâm Địa” phát sinh đều là Phật, còn nếu không đạt ngộ thì tức là ngoảnh lưng lại với mọi thực tại giác ngộ. Như vậy, sự giác ngộ “Bản Tâm” là căn bản cho mọi biến cải. Tư tưởng này còn được biểu đạt rõ hơn trong bài kệ của Thiền sư Hoài Nhượng mà Thiền sư Vô Ngôn Thông truyền cho đệ tử Cảm Thành:

Nhất thiết chư pháp giai tông “Tâm” sinh.

“Tâm” vô sở sinh, pháp vô sở trụ

Nhược đạt Tâm địa sở tác vô ngại

Phi ngộ thượng căn vật khinh hủ⁽⁵⁾

Nghĩa là, các Pháp (mọi sự vật, hiện tượng) đều từ “Tâm” mà ra. “Tâm” không sinh, Pháp cũng không dựa vào đâu cả. Khi đạt đến tâm địa thì làm gì cũng được, không bị chướng ngại. Nếu không gặp người thượng căn thông tuệ thì không nên truyền giảng những điều này.

2. Nguyễn Đăng Duy. Sđd, tr.270.

3. Trương Lập Văn (Nguyễn Văn Đức dịch). *Tâm*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1999, tr.344.

4. Xem: Nguyễn Đăng Duy. *Phật giáo với văn hoá Việt Nam*. Nxb Hà Nội, 1999.

5. Nguyễn Duy Hinh. *Triết học Phật giáo Việt Nam*. Nxb Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá. Hà Nội 2006, tr.344.

Với quan niệm này, các thiền sư Việt Nam khẳng định, “Tâm” trong Phật giáo không phải cái gì xa lạ. Nó chính là sự giác ngộ của con người về các giáo lý nhà Phật, thực hành nó trong đời sống, khi đó “Tâm tức Phật”, dầu dầu cũng là Phật, Phật Tâm là cái “Tâm” không bị che khuất bởi sự vô minh⁽⁶⁾.

Thiền sư Cửu Chỉ, thời Lí Thái Tông, đã đưa ra quan niệm về “Tâm” của mình như sau:

Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch

Thần thông biến hóa hiện chư tướng

Hữu vi, Vô vi tông tử xuất

Hà sa thế giới bất khả lượng.

Theo Nguyễn Duy Hình, có thể hiểu dụng ý của bài kệ này là: Giác ngộ thân “Tâm” vốn lặng yên. “Thân Tâm” có thể được hiểu “Tâm” của thân, tức “Tâm” của con người. Nó vốn lặng yên. Do thân thông biến hóa mà hiện chư tướng. Hữu vi, Vô vi đều từ “Tâm” mà ra. “Tâm” động thì Hữu vi (Hữu vi chỉ hiện tượng giới) còn “Tâm” lặng thì Vô vi (Vô vi chỉ sự tồn tại tuyệt đối, nghĩa là Niết Bàn). Hằng hà, sa số đầy khắp cõi hư không, không thể nào đếm được⁽⁷⁾. Cho nên, chỉ có “Tâm” mỗi người mới chế định được hành vi của mình. Từ “Tâm” sinh ra vạn pháp, nên con người phải nhận thức được “Tâm” của mình để tự mình điều chỉnh hoạt động bản thân, khi đó phiền não, tội phúc, nghiệp báo đều không, nghĩa là giải thoát.

Thời Lí Thánh Tông, tư tưởng “Phật tại Tâm” còn phát triển mạnh mẽ ở Thiền phái Thảo Đường. Thiền phái này cũng thiên về yếu tố tự giác trong “Tâm”, tự mình tu luyện, hành xử để xóa bỏ những Tham, Sân, Si trong lòng, sống thanh thản, thư thái. Cách tu đón ngộ của các thiền phái Vô Ngôn Thông và Thảo Đường

mang tính chất tự giác mạnh mẽ trong ý thức tu, tu “Tâm” thành Phật. Chỉ có từ “Tâm”, từ ý thức, tâm hồn của mình mới giúp cho con người hướng tới cái thiện, cái cao cả trong cuộc sống. Thiện hay Ác cũng từ “Tâm” mà ra, con người một lòng muốn hướng Phật cũng là từ “Tâm” mỗi người. “Điều này rất phù hợp với cư dân nông nghiệp nước ta, coi trọng đạo đức, nhân nghĩa tình người, đã làm cho Phật giáo nước ta kết hợp được lí và sự. Lí là phép tắc tu Phật, sự là những việc hành động hằng ngày ngoài đời, thực tế cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người”⁽⁸⁾.

Sang thời Trần, tư tưởng “Phật tại Tâm” được đưa lên một mức cao hơn với quan niệm “con người vốn có sẵn tính Phật”. Điều này phản ánh rõ qua lời khuyên của Đại sư Phù Vân với Trần Thái Tông khi vua muốn tu tập ở núi Yên Tử: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng, lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nếu nay bệ hạ giác ngộ điều đó, thì lập tức thành Phật, không cần khổ công tìm hiểu bên ngoài”⁽⁹⁾.

Trong *Niệm Phật luận*, Trần Thái Tông nói: “Tâm tức là Phật (...), niệm tức là bụi trần, không vướng một mảy may, niệm trần vốn tịnh, nên nói như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức thân ta, không có hai tướng”⁽¹⁰⁾. Theo đó, Phật trong “Tâm” mỗi người, con người giác ngộ hay không giác ngộ là tự bản thân mình quyết định. Mỗi người phải tự ý thức được hành động hướng thiện, hướng tới

6. Nguyễn Duy Hình. Sđd, tr.344.

7. Nguyễn Duy Hình. Sđd, tr.376.

8. Nguyễn Đăng Duy. *Phật giáo với văn hoá Việt Nam*. Nxb Hà Nội, 1999, tr.272.

9. Viện Văn học. *Thơ văn Lí-Trần*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1977-1989, tr.345.

10. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr.532.

những điều tốt đẹp trong cuộc sống không chỉ với cá nhân, mà còn với mọi người, với nhân gian. Khi ấy trong mỗi người ắt sẽ có một “ông Phật”. Vì thế, Trần Thái Tông đã vận dụng tư tưởng của Đức Phật để trị nước. Vua chủ trương lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình để đem lại sự thái bình cho đất nước.

Triều đại nhà Trần có nhiều cư sĩ nổi tiếng, trong đó phải kể tới Tuệ Trung Thượng Sĩ. Trong *Phật Tâm Ca*, Tuệ Trung Thượng Sĩ đã diễn tả sâu sắc quan niệm “Tâm” trong Phật giáo đối với mỗi con người trong cuộc sống thường ngày:

Phật! Phật! Phật! Bất khả kiến!

Tâm! Tâm! Tâm! Bất khả khuyết!

Nhược tâm sanh thời thị Phật sanh

Nhược Phật diệt thời thị tâm diệt

Diệt tâm tồn Phật thị xứ vô

Dục tri Phật tâm sanh diệt tâm

Trực dãi dương lai Di Lặc quyết

Tịch vô tâm, kim vô Phật...

Bản thể như nhiên tự không tịch

Niết Bàn sanh tử mạn la lung

Phiền não bố đề nhân đối địch

Tâm tức Phật, Phật tức tâm⁽¹¹⁾.

Với quan niệm này, Tuệ Trung Thượng Sĩ khẳng định: Phật không thấy được, “Tâm” không thể giải thích được. “Tâm” sinh thì Phật sinh, Phật diệt thì “Tâm” diệt. Không có nơi nào “Tâm” diệt mà Phật tồn, không lúc nào Phật diệt mà “Tâm” tồn... Muốn cầu “Tâm” chớ tìm bên ngoài. Bản thể tự nhiên tự nó trống rỗng, vắng lặng. Niết Bàn sinh tử rồi bởi, Bồ Đề đối địch nhau vô ích. “Tâm tức Phật”, “Phật tức Tâm”, diệu thể sáng ngời cổ kim⁽¹²⁾.

Có thể thấy, Tuệ Trung đã quá đề cao vị trí của “Tâm” coi nó như là nhân tố sinh thành vạn vật. Đặc biệt trong bài *Sinh tử* ông viết:

Tâm chi sinh hể sinh tử sinh,

Tâm chi diệt hể sinh tử diệt.

Quan niệm của Tuệ Trung mang màu sắc duy tâm khi khẳng định sinh tử đều từ “Tâm” mà ra. Đặc biệt, trong mối quan hệ giữa “Tâm” với “Cảnh”, ông cũng cho rằng, thế giới xung quanh đều do “Tâm” sinh ra; con người vốn sẵn tính Phật, cho nên: “Phật là anh, anh là Phật”; không chấp ở ăn chay hay ăn mặn, không cần diệt dục, chỉ cần tiết dục cho tâm hồn vô tư thanh tịnh, tức sẽ thành Phật⁽¹³⁾.

Quan niệm “Tâm” là yếu tố thâm sâu trong tâm hồn mỗi người, nó là ý thức, là tinh thần, “Tâm” là Phật đã được các cư sĩ thời Trần nhấn mạnh hơn. Trần Nhân Tông khẳng định, con người vốn sẵn tính Phật, mọi hành vi của con người đều từ “Tâm” mà ra. Trong bài *Cư trần lạc đạo*, ông viết:

Mới hay Bụt ở trong nhà

Chẳng cần mong vọng đâu xa kiếm tìm!

Thân nhân, tâm tịnh lặng im

Nhà xưa thanh vắng, Bụt liền hiện ra⁽¹⁴⁾.

Nội dung bài phú ca tụng sự ung dung của con người sống giữa thế gian. Vì “Tâm” mình là Phật, nên khi vui niềm vui của đạo, con người sẽ trở nên thanh thản, sống tự tại.

11. Trần Quê Hương. *Thơ Thiền ngàn năm*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.451-457.

12. Nguyễn Duy Hình. *Triết học Phật giáo Việt Nam*. Nxb Văn hoá Thông tin và Viện Văn hoá. Hà Nội 2006, tr.461.

13. Nguyễn Đăng Duy. *Phật giáo với văn hoá Việt Nam*. Nxb Hà Nội, 1999, tr.274.

14. Trần Quê Hương. *Thơ Thiền ngàn năm*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.575.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên⁽¹⁵⁾.*

Nghĩa là sống ở trần gian mà vui đạo Phật, tùy theo cơ duyên dối thì ăn, buồn ngủ thì ngủ, không nên cưỡng lại tự nhiên; trong nhà có của báu, trong lòng có “Tâm”, không nên tìm ở bên ngoài; đối cảnh mà giữ được vô tâm, “Tâm” không động, không vọng niệm thì cần gì phải học thiền. Quan niệm này của Trần Nhân Tông thể hiện sự phóng khoáng của người tu hành, không câu nệ vào phép tu mà chủ yếu chú trọng vào “Tâm” Phật ở mỗi người.

Như vậy, quan niệm “Tâm” là ý thức, là tâm hồn, “Tâm tức Phật”, “Phật tại Tâm” được đề cao trong tư tưởng của các thiền sư thời Lí - Trần. Họ nhấn mạnh vào hướng “Tâm”, giác ngộ bằng “Tâm” tĩnh lặng của mình, biết dẹp bỏ những dục vọng tầm thường để đạt tới cõi Niết Bàn, để thành Phật trong lòng.

Thứ hai, “Tâm” là “bản thể” của vũ trụ, là “Phật tính”, là “Chân Tâm”. Quan niệm này trong Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của phạm trù “Tâm” trong Phật giáo Ấn Độ.

Theo Bùi Biên Hòa, khái niệm “Tâm” (Citta) của Phật giáo khác hẳn với “Tâm” trong Nho giáo, Đạo giáo ở chỗ nó không chỉ nhân cách đạo đức của một cá nhân mà nó còn chỉ bản thể vũ trụ, của không gian các chiều chứa trong thân xác mỗi người (Ngã). “Tâm” của cá nhân và không gian các chiều trong đó có không gian thực, không có sự sinh và sự diệt, là *đồng nhất thể* song vẫn có dị biệt. Chính sự dị biệt này mà “Tâm” năng biến tìm vật mang,

như qua xác thân tạo thành *Bản Ngã* (Atman) với những số phận và cuộc đời khác nhau không cùng. Sự năng biến tìm vật mang do *Nghiệp* (Karma) chi phối. Nếu xóa hết Nghiệp là *Vô Ngã*, là đi đến *Vô niệm*, làm cho “Tâm” của cá nhân đồng nhất thể với “Tâm” của không gian các chiều, của vũ trụ, lúc đó “Tâm vô Tâm” (Tâm không) là đạt đạo⁽¹⁶⁾.

Theo cách lí giải này, “Tâm” trong Phật giáo còn là bản thể vũ trụ, thường hằng, bất sinh bất diệt, không thể mô tả được về hình tướng, định lượng, định tính, không thấy được nhưng nó lại tồn tại trong thân xác mỗi người. Khi Phật giáo truyền vào Việt Nam, quan niệm này vẫn được kế thừa. Trong Phật giáo Việt Nam, “Tâm” còn được hiểu là “Tự tính”, “Chân tính”, “Chân Tâm”, “Pháp tính”, “Chân như”, “Chân thân”... Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi cho rằng, thế giới hiện tượng từ “Bản thể” mà ra. “Bản thể” ở đây được hiểu là “Chân thân”, “Chân tính”, “Chân Tâm”, “Tâm Ấn”. Theo nghĩa này, Thiền sư Y Sơn viết:

Chân thân thành vạn tượng

Vạn tượng tức chân thân⁽¹⁷⁾.

“Bản thể” này bất sinh, bất diệt. Theo các thiền sư Việt Nam thì thân con người có sinh tử, đó là pháp sinh diệt, còn “Bản thể” là “Pháp tính”, “Chân tính”, nó không sinh, không diệt, thường trụ, bất biến, không thay đổi.

Chân tính thường vô tính

Chưa từng có sinh diệt

Thân là pháp sinh diệt

15. Trần Quê Hương. Sđd, tr.593.

16. Bùi Biên Hòa. *Đạo Tâm Phương Đông*. Nxb Văn hoá Thông tin, 2001, tr.17-18.

17. Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. *Thiền uyển tập anh*. Nxb Văn học. Hà Nội 1990, tr.244.

Pháp tính chưa từng diệt⁽¹⁸⁾.

“Bản thể” còn được hiểu là “Chân tâm”, nó nằm trong thế giới trần tục mà Thiên sư Kiều Trí Huyền gọi là “Hà sa” (Cát sông) nhưng con người không hiểu, không nhận ra nên cứ tìm kiếm ở đâu đâu. Quan niệm này được phản ánh trong bài thơ của Thiên sư Từ Đạo Hạnh khi hỏi Thiên sư Kiều Trí Huyền về “Chân Tâm”:

Lăn với bụi đời tự bấy lâu

Chân tâm vàng ngọc biết tìm đâu

Cúi xin rộng mở bày phương tiện

Thấy được Như như sạch khổ cầu.

Thiên sư Kiều Trí Trang đáp:

Minh ngọc vang đưa tiếng ảo huyền

Ở trong vẫn là tấm lòng thiên

Cát sông là cội Bồ đề đó

Mà tưởng còn xa mấy dặm nghìn⁽¹⁹⁾.

Điều này có nghĩa “Bản thể” là “Chân tâm”, “Chân như”, “Như như”... nằm trong thế giới trần tục lẫn với bụi đời, còn cát sông là cội Bồ Đề, nó ở ngay cạnh chúng ta. Chỉ cần người có “Tâm thiên” sẽ nhận thấy được điều đó, còn người trần tục lại cứ lầm tưởng Bồ Đề là một cội nào xa xôi nên cứ đi tìm. Theo Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, “Bản thể” tức cái “Tâm” không thiếu không thừa, không đi không lại, không tới không lui, không được không mất, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, không xa không gần, bất sinh bất diệt, như thế là như thế, không thể dùng ngôn ngữ, văn tự và thanh sắc mô tả được⁽²⁰⁾.

Như vậy, quan niệm của Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi chủ yếu coi “Tâm” là “Bản thể” của thế giới, là cái mà từ đó vạn vật sinh ra và nó tồn tại ở nhiều hình thức như là “Tâm ấn”, “Chân tâm”, “Như như”,

“Chân tính”, “Pháp tính”, “Chân thân”... “Bản thể” này không thể dùng ngôn ngữ và văn tự mô tả được, cũng không thể thấy được. Thế giới hiện tượng xuất hiện từ “Bản thể” này là thế giới sai biệt, thế giới chịu sự tác động của luật vô thường, nhân quả, sinh tử. “Bản thể” (“Tâm”) là tồn tại vĩnh viễn, là thực. Vì vậy, để nhận biết được “bản thể” (“Tâm”) thì con người phải dẹp bỏ “Vọng Tâm”, những tham, sân, si, sầu não, thù hận, những “vô minh”, khi đó con người sẽ đắc đạo.

Quan niệm “Tâm” là “bản thể” của thế giới còn được phản ánh trong tư tưởng của Thiên phái Vô Ngôn Thông thông qua quan điểm của một số nhân vật tiêu biểu của Thiên phái này như Vô Ngôn Thông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Cứu Chỉ, Đạo Huệ, Cảm Thành, v.v... Trong tư tưởng của Thiên sư Cứu Chỉ, “Bản thể” được hiểu là “Thân tâm”, tức là thân của “Tâm”. Khi con người giác ngộ, “Tâm” vốn ngưng tịnh sẽ biến hóa thành mọi sự vật hiện tượng, kể cả hữu vi lẫn vô vi.

Theo Thiên sư Đạo Huệ, “Bản thể” còn là “Chân tính”. Nó không tự sinh ra, nó tồn tại trong vạn vật, con người có thể nhận thức được nó bằng con đường giác ngộ, tu “Tâm”. Thiên phái Vô Ngôn Thông nghiêng nhiều về quan niệm “Bản thể” của thế giới là “Tâm”. Theo đó, mọi pháp, vạn vật đều từ “Tâm” sinh ra.

Nguyễn Hùng Hậu cho rằng: “Cái ‘Tâm’ ở đây không phải là cái ‘Tâm’ trong ‘chủ nghĩa duy tâm’ của Phương Tây, không phải cái ‘Tâm’ bình thường trong mỗi

18. Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Sđd, tr.206.

19. Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Sđd, tr.199.

20. Nguyễn Hùng Hậu. *Triết lý trong văn hoá Phương Đông*. Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội 2004, tr.254.

người mà là cái “Tâm” của nhà Phật, cái “Tâm” ngộ đạo⁽²¹⁾. Nếu không có “Tâm” sinh thì “Pháp” cũng không có chỗ trụ. Cho nên, mọi “pháp tính” đều từ “Tâm” mà ra.

Thiền phái Vô Ngôn Thông còn quan niệm: “Tâm” biểu hiện ra ở “Chân như”, “Như Lai Tạng”, “Pháp thân”... Thiền sư Bảo Giác nhấn mạnh, vạn pháp đều trở về không, không xứ sở để nương tựa tức là quy về “Chân như”, hiểu ở một khía cạnh nào đó thì “Chân như” là “Không”. Khi “Chân như” ở trong phiền não thì gọi là “Như Lai tạng”, còn khi “Chân như” thoát khỏi phiền não thì gọi là “Pháp thân”. Theo Nguyễn Hùng Hậu: “Tâm, tính, tự tính, tâm thanh tịnh về cơ bản chúng chỉ là một. Từ đó ta thấy Như Lai Tạng ở Tịnh giới cũng là “Tâm”. “Tâm” của chúng sinh còn ở trong phiền não, tức “Chân như” ở trong phiền não. Khi thoát khỏi phiền não, trong sạch, thanh tịnh thì “Tâm”, “Chân như”, “Pháp thân” là một⁽²²⁾.

Trần Thái Tông cũng có quan niệm tương tự như các thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông khi đưa ra nhiều cách gọi khác nhau về “Tâm” như “Chân tính”, “Pháp tính”, “Chân tâm”, “Bản tâm”, “Chân như”, v.v... Đây đều được coi là bản thể của thế giới, nó là cái “Tâm ban đầu” không hư. Muốn đạt tới cái “Tâm ban đầu”, tức “Bản lai diện mục”, thì con người phải diệt được tam độc. Mọi cái đều từ “Tâm” sinh ra và phụ thuộc vào “Tâm”. Nếu “Tâm” vô minh, vọng động thì sẽ xuất hiện Ta - Vật, Tâm - Cảnh. Còn nếu trở nên hư không, tĩnh lặng thì “Tâm” cũng không, Cảnh cũng không, Phật và Ngã cũng đều không. Nghĩa là, nếu “Tâm” động thì trần sẽ khởi, nếu “Tâm” vọng động thì thế giới hiện tượng xuất hiện.

Các quan niệm về sau này của Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp

Loa, v.v... cũng đều xem “Tâm” là “Bản thể” sinh ra vạn vật, với các tên gọi khác nhau như Thể tính, Bút, Pháp tính, Chân như, Thực tướng, Chân không, Pháp thân, v.v... Nhưng nhìn chung, các ông vẫn nhấn mạnh tư tưởng “Nhất thiết duy tâm tạo” của Phật giáo, hay “Nhất thiết chư pháp, giai tông tâm sinh” của Thiền tông Trung Hoa. Cách hiểu này vẫn không tránh khỏi yếu tố duy tâm, khi coi mọi cái từ “Tâm” mà ra, mọi cái đều phụ thuộc vào “Tâm”.

Như vậy, với cách nhìn của các danh tăng và đại cư sĩ, phạm trù “Tâm” trong Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp và nhiều nhất của Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa, thể hiện ở các quan niệm “Tâm” là ý thức, là tâm hồn, “Tâm” tức Phật. “Tâm” còn là “Bản thể” của vũ trụ, là “Phật tính”, là “Chân Tâm”. Từ “Tâm” mà vạn vật được sinh ra. Vì thế, phải giữ cho “Tâm” trong sáng, không vọng động bằng các biện pháp tu “Tâm”, đắc đạo thành Phật.

2. “Tâm” trong Phật giáo Việt Nam theo cách hiểu dân gian

Ngoài cách hiểu mang tính bác học, khi phạm trù “Tâm” của Phật giáo truyền nhập vào Việt Nam còn hòa nhập vào lối sống, nếp nghĩ của đông đảo người dân lao động bình dị, một nắng hai sương. Điều này đã góp phần tạo nên trong Phật giáo Việt Nam màu sắc của “Tâm” mang tính bình dân. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để hình thành nên nền Phật giáo dân gian đậm nét ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, *Phật giáo dân gian nhấn mạnh mặt chủ quan, tình cảm* trong khái niệm “Tâm” nhà Phật. Theo đó, “Tâm” chính là Lòng, Bụng, Dạ, Ruột... là phần bên

21. Nguyễn Hùng Hậu. Sđd, tr.262.

22. Nguyễn Hùng Hậu. Sđd, tr.263.

trong của cơ thể con người, là cái quan trọng nhất, dễ nhận biết được. "Tâm" là tâm lực, là sự tập trung cao độ của sức lực con người. Mọi người đều tồn tại "Tâm" trong mình. Vì thế, trong cư xử giữa người với người, điều quan trọng là tấm lòng, là thành "Tâm", thực bụng, sống hết lòng vì nhau.

Vì thế, người Việt Nam thường sử dụng chữ *Lòng* thay cho chữ "Tâm". Điều này được phản ánh đậm nét trong kho tàng ca dao, tục ngữ, truyện cổ dân gian Việt Nam. Theo khảo cứu của Nguyễn Hùng Hậu, trong *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* (Vũ Ngọc Phan, bản in lần thứ tám, Nxb Khoa học Xã hội, 1978), trừ phần các dân tộc thiểu số, chúng ta thấy tần suất xuất hiện những chữ này như sau (theo nghĩa đen):

Lòng	Dạ	Ruột	Bụng	Tâm
~120	~32	~12	~8	~7

Nếu gộp cả *Lòng*, *Bụng*, *Dạ*, *Ruột* vào làm một thì tần suất xuất hiện chữ *Lòng* lớn gấp 26 lần tần suất xuất hiện chữ "Tâm".

Ngược lại, trong các văn bản thành văn chữ Hán trước năm 1282, tức trước khi có chữ Nôm, chúng ta chỉ thấy có chữ "Tâm", và sau này mới thấy chữ *Lòng*. Trong nhiều tác phẩm văn học của mình, Trần Nhân Tông đều dùng cả chữ "Tâm" lẫn chữ *Lòng*. Điều này cho thấy, người Việt dùng chữ *Lòng* là chủ yếu, dùng chữ *Lòng* nhiều hơn chữ "Tâm". Phần lớn những người trí thức có tinh thần độc lập tự chủ về sau thường dùng chữ Nôm, tức chữ *Lòng* thay cho chữ "Tâm", mặc dù cách viết hai chữ này như nhau. Như vậy, chữ *Lòng* xuất hiện và xuất phát từ chữ "Tâm"⁽²³⁾.

Có thể thấy rõ, trong suy nghĩ của người Việt Nam, "Tâm" bắt nguồn từ trong chính bản thân chúng ta. *Bụng* chúng ta

nghĩ gì, thì hành động của chúng ta sẽ như vậy. Cho nên, muốn trở thành người tốt thì cần phải có "Tâm", tức là chúng ta phải sống bằng cả tấm lòng của mình, mọi cư xử, hành động phải từ đáy lòng mình; luôn giữ cho mình sự ngay thẳng trong "Tâm" mới mong có được sự ngay thẳng trong cuộc đời. Cho nên, cha ông ta mới dặn dò cháu con rằng:

Dù ai nói ngả, nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Hoặc:

Ở sao cho vừa lòng người

Dù ai giục đứng, giục ngồi mà nao.

Ngay trong cách thể hiện tình cảm lứa đôi, người Việt Nam cũng lấy *Bụng*, *Lòng*, *Dạ*, *Ruột*... ra bộc bạch, coi đó là sự thành "Tâm" của mình đối với những người thương yêu. Chỉ có những tình cảm được khơi mạch từ trong sâu thẳm cõi lòng mỗi người mới là chân thành, đáng quý, đáng được trân trọng, nâng niu. Cho nên mới có những hình ảnh như:

Thương anh bụng sát tận da

Anh thì không biết tưởng là dói cơm.

Hoặc:

Thương anh, em chẳng nói ra

Trong ruột thì héo, ngoài da thì vàng.

Trong gia đình, tình cảm của con cái đối với cha mẹ cũng bắt nguồn từ *Ruột*, *Bụng*, *Lòng*, *Dạ*:

Chiều chiều xách giỏ hái rau

Ngó lên má mẹ, ruột đau như dầm.

Tấm lòng của người con hướng về cha mẹ đến mức "ruột đau như dầm" cho thấy một sự hiếu đễ rất lớn của người Việt Nam đối với bậc sinh thành.

23. Nguyễn Hùng Hậu. Sđd, tr.407.

Yếu tố Bụng, Lòng, Dạ, Ruột xuất hiện không chỉ trong việc đánh giá tình cảm, mà còn cả trong cách nhìn nhận về con người. Họ coi yếu tố đó như những thước đo để phán xét:

Sóng sâu còn có kẻ dò

Lòng người nham hiểm, ai đo cho vừa.

Hoặc:

Dao vàng cắt ruột máu rơi

Ruột đau chẳng mấy bằng lời em than.

Như vậy, phạm trù "Tâm" của Phật giáo Việt Nam trong cách hiểu dân gian là Lòng, Bụng, Dạ, Ruột... Cách hiểu này thật dân dã, chân chất như bản tính con người Việt Nam, khiến ai cũng nhận ra được "Tâm" trong mỗi người và biến nó trở thành hành động của bản thân mình. "Tâm" nhân văn, nhân đạo ấy thấm dầm trong tâm hồn người Việt Nam. Đồng thời, nó cũng tạo ra một màu sắc riêng trong quan niệm về "Tâm" của Phật giáo dân gian Việt Nam. Có thể khái quát một số biểu hiện cơ bản về "Tâm" trong Phật giáo Việt Nam theo quan niệm dân gian như sau:

Thứ nhất, "Tâm" là sự biểu hiện lòng thành, không gian dối, sống chân thật, đúng mực, có trách nhiệm. Dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện kể về một vị tu sĩ nọ, muốn lên Tây Phương tìm gặp Phật Tổ. Nhiều người biết chuyện đã gửi gắm ước nguyện và phẩm vật của họ cho vị tu sĩ, mong sao vị tu sĩ gặp được Đức Phật thì dâng cúng các lễ vật. Do đường dài và gặp nhiều gian khó, nên vị tu sĩ đã quên và bỏ đi những gì mọi người gửi gắm. Cuối cùng, ông cũng đến được Tây Phương. Nhưng đến nơi, vị tu sĩ nọ mới vỡ lẽ, tất cả những gì ông vứt bỏ đều đang hiện hữu bên Đức Phật, lòng thành của mỗi người đã làm cho lễ vật của họ đến với Đức Phật.

Còn vị tu sĩ phải nhận quả báo, trở về lặn ngụp trong bùn nhơ để mò tìm những gì ông đã vứt bỏ.

Nội dung câu chuyện cho thấy, với người Việt Nam, "Tâm" chính là sự chân thành với lời nói, cử chỉ, việc làm của mình. Con người sống trên đời phải có tấm lòng, có trách nhiệm; thiếu trách nhiệm, thiếu sự thành tâm thì mọi việc sẽ không thành, hậu quả xấu khôn lường.

Với Phật giáo, những người thành tâm, sống có trách nhiệm đều sẽ "đắc đạo" thành Phật. Bởi "Phật tại tâm, tâm là Phật". Sống có trách nhiệm với dân, với nước, cống hiến công sức cho đời theo tinh thần đại từ, đại bi chính là biểu hiện của "Tâm" trong sáng, thanh tịnh theo đúng nghĩa của Phật giáo.

Vào mừng một và ngày rằm hằng tháng, người dân thường thắp hương làm lễ ở chùa hoặc tại nhà để mong được phù hộ độ trì, cầu bình an, phúc lộc. Lòng thành kính đó cũng là những biểu hiện của "Tâm" người dân mà ở đâu trên đất nước Việt Nam này, chúng ta đều có thể bắt gặp và nhận ra một cách dễ dàng. Nó gần gũi, dễ thể hiện và ai cũng làm được, có được. Đây là nét riêng, độc đáo trong sự biến chuyển của "Tâm" Phật giáo nói chung vào trong Phật giáo Việt Nam.

Thứ hai, "Tâm" là biểu hiện của sự hiếu thuận, sống có tình nghĩa, có trước sau. Phật dạy: Muôn việc ở thế gian, không gì hơn công ơn nuôi dưỡng lớn lao của cha mẹ (*Kinh Thai Cốt*). Cho nên, con cái phải hiếu thảo với cha mẹ. Là người Việt Nam, đạo lí làm người đầu tiên phải học là hiếu kính với cha mẹ, ông bà. Đạo lí đó đã trở thành bản tính tự nhiên của người Việt Nam. Dưới sự ảnh hưởng của một số tôn giáo, nhất là đạo Phật, việc nhớ ơn và báo ơn cha mẹ đã khắc sâu hơn nữa trong tâm

khảm mỗi người Việt Nam. Đây chính là biểu hiện “Tâm” cốt cách của con người Việt Nam. Bởi hiếu tâm tức thị Phật tâm, hiếu hạnh vô phi Phật hạnh, làm tròn bổn phận của người con đối với cha mẹ chính là một trong những pháp tu của nhà Phật:

Tu dẫu mà bằng tu nhà

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Hoặc:

Đi về lập miếu thờ vua

Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha.

Ảnh hưởng mạnh mẽ tư tưởng Phật giáo, người Việt Nam luôn nhắc nhở nhau sống có tình nghĩa, có lương tri với nhau, cùng nhau tạo lập một cuộc sống tốt lành, tránh bị quả báo. Ca dao Việt Nam có câu:

Ai ơi hãy ở cho lành

Kiếp này chẳng gặp để dành kiếp sau.

Hoặc:

Cây xanh thì lá cũng xanh

Cha mẹ hiền lành để đức cho con.

Sống có lòng với nhau, mong cho nhau gặp điều tốt lành cũng là biểu hiện “Tâm” của người Việt Nam.

Thứ ba, “Tâm” biểu hiện ở lối sống từ bi, bác ái, làm điều thiện, điều nhân đức. Trước khi Phật giáo truyền nhập vào, dân Việt Nam đã có tính thương người. Đức tính này xuất phát từ chính cuộc sống của người Việt cổ đại và phát triển theo lịch sử phát triển của dân tộc. Những nét đẹp trong truyền thống người Việt Nam thể hiện ở tinh thần:

Lá lành đùm lá rách.

Hoặc:

Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Hay:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Tư tưởng từ bi của đạo Phật là tình yêu thương rộng lớn đối với mọi giai tầng trong xã hội. Phật dạy: “Mọi người đều có thể thành Phật”. Phật đã bao dung mọi người trong tình thương bao la. Tư tưởng từ bi của Phật giáo truyền vào nước ta đã làm cho tình thương của người Việt Nam được nhân lên, mở rộng hơn. Con người biết lo lắng cho người khác, biết bao dung độ lượng, biết tha thứ cho người lỗi lầm biết hối cải. Quan điểm “một miếng khi đói bằng một gói khi no” (tục ngữ) đã trở thành phương châm sống của người Việt Nam.

Lòng yêu thương con người, luôn làm điều thiện, sống vị tha là những biểu hiện của “Tâm” Phật giáo Việt Nam.

Thứ tư, “Tâm” còn được biểu hiện ở cuộc sống an lạc, thanh thoi, hoà hợp với môi trường xung quanh và đồng loại. An lạc, thanh thoi là mục đích cao thượng trong đời sống để con người phấn đấu. Nó giúp con người thoát khỏi những trói buộc của đời sống hiện thực nơi trần thế trở về với sự tĩnh tại, thanh tịnh trong tâm hồn. Con người biết gạt bỏ những ham muốn, dục vọng tầm thường, giữ cho “Tâm” mình trong sáng, sống hoà hợp với thiên nhiên và con người xung quanh.

Cảnh quan đẹp của các ngôi chùa Việt Nam là những điểm dừng chân lí tưởng cho tâm hồn mỗi người trong cuộc sống huyền ảo nơi trần thế. Kiến trúc và cảnh vật ngôi chùa đã mang đến cho mỗi người sự bình yên, thanh thoi, thư thái, bỏ lại sau những lo toan của cuộc sống thường nhật. Tư tưởng sống an lạc, thanh thoi,

hoà hợp cũng là một trong những biểu hiện của "Tâm" Phật giáo Việt Nam.

"Tâm" trong quá trình hoà nhập vào đời sống người Việt Nam, bên cạnh những biểu hiện tích cực như đã trình bày, vẫn còn tồn tại một vài hạn chế.

Thứ nhất, do quá đề cao *Lòng*, nên người Việt Nam nghiêng nhiều về cảm xúc, cảm nghĩ, tình cảm. Trong hành động của mỗi người, nhiều khi vì tình nghĩa mà hổng việc lớn, dễ bị kẻ xấu lợi dụng để làm điều sai trái.

Quan niệm "một trăm cái lí, không bằng một tí cái tình" đã trở thành thói quen của người Việt Nam. Họ giải quyết công việc thường không theo lí mà chỉ lụy tình. Người càng thân thì càng đúng hơn. Vì thế, ở nhiều làng quê Việt Nam, lối hành xử theo kiểu trọng tình hơn trọng lí đã khiến trật tự kỉ cương làng nước khó được thực thi.

Thứ hai, vì "Tâm" của người Việt Nam thể hiện tư duy hướng nội, cho nên, nhiều khi họ thiên về tình cảm, đề cao tính thiện, vì cái thiện từ "Tâm" mà ra. Và để hướng tới cái thiện, theo Phật giáo, đó phải là sự tự phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng của mỗi người. Song, nếu chỉ thế, thì cái ác sẽ vẫn tồn tại, hiện hữu, phát triển trong đời sống. Do đó, không thể chỉ bằng sự nỗ lực, rèn luyện của bản thân mỗi người, mà còn cần phải có sự đấu tranh để loại trừ cái xấu, cái ác khỏi cuộc sống của con người. Điều này, Phật giáo chưa thật nhấn mạnh.

Thứ ba, quan niệm về "Tâm" theo lối bác học của các danh tăng và đại cư sĩ vẫn còn một hạn chế lớn khi cho rằng, "Tâm" sinh ra vạn vật, nghĩa là mọi cái đều từ "Tâm" mà ra, nên chỉ có tu "Tâm" con người mới được giải thoát, mới đạt được hạnh phúc. Đây là tư tưởng mang sắc thái duy tâm và ít nhiều mang tính yếm thế của Phật giáo trong việc diệt khổ để giúp con người đi tới hạnh phúc đích thực ở ngay trần thế chứ không phải ở cõi Niết Bàn.

Tạm kết

Phật giáo sau khi truyền nhập vào nước ta đã nhanh chóng hỗn dung với phong tục, tín ngưỡng bản địa để thích ứng với lối sống của người Việt Nam. Người Việt Nam nhiều khi đến với đạo Phật không chỉ bởi tôn giáo này có những điểm tương đồng với văn hoá truyền thống Việt Nam, mà còn bởi đạo Phật là "Đạo Tâm", đề cao chữ "Tâm". Cái "Tâm" ấy khi vào Việt Nam đã được cải biến cho phù hợp với lối sống người Việt Nam, làm cho người Việt Nam thấy được "Tâm" của mình.

Phạm trù "Tâm" trong Phật giáo Việt Nam, như đã trình bày, được tiếp cận ở hai góc độ: "Tâm" theo khuynh hướng bác học là ý thức, là tâm hồn của người Việt Nam, là bản nguyên của vũ trụ, là "Phật tính", là "Chân Tâm"; và "Tâm" hiểu theo cách dân gian được xem là "Lòng", "Ruột", "Bụng", "Dạ"... là lòng thành, là sự hiếu thuận, là lối sống từ bi, hỉ xả, an lạc, thanh thoi... Có thể nói, những quan niệm này đã góp phần quan trọng làm nên bản sắc độc đáo của Phật giáo Việt Nam so với Phật giáo thế giới./